

TÌM HIỂU TÍN NGƯỠNG THỜ TỨ PHÁP Ở THỜI LÝ QUA ĐẠI VIỆT SỬ KÍ TOÀN THƯ

NGUYỄN THỊ ANH*

Tóm tắt: Cầu đảo (cầu mưa, cầu tạnh) của tín ngưỡng thờ Tứ Pháp là một nghi lễ mang tính tâm linh an dân trong quá trình trị nước của các triều đại quân chủ. Cơ sở của việc thực hiện nghi lễ cầu đảo xuất phát từ nền sản xuất nông nghiệp trồng lúa nước, từ sự du nhập Phật giáo và tư tưởng thiên nhân hợp nhất của Đạo giáo. Bộ sử lớn *Đại Việt sử kí toàn thư* đã ghi chép về việc nhà Lý, nhà Lê đã từng rước Phật Pháp Vân về kinh để cầu đảo. Thông qua các ghi chép ấy, bài viết tiến hành khảo sát, thống kê các lần cầu đảo để từ đó tìm hiểu rõ về thời gian, địa điểm, cách thức, hiệu quả của tín ngưỡng thờ cúng Tứ Pháp trong lịch sử.

Từ khóa: Tứ Pháp, Pháp Vân, cầu đảo, chùa Báo Thiên, Man Nương

Abstract: Praying (for rain and stop raining) of the Four Dharmas is a spiritual ritual to pacify people during the governance of the monarchies. The basis for performing these kind of ritual comes from the agricultural production of wet-rice cultivation, the introduction of Buddhism and the Taoist idea of the unity of heaven and man. The great historical book *Dai Viet su ky toan thu* recorded that the Ly and Le Dynasties once brought Phap Van Buddha to the capital to pray for rain. Through these records, the article conducts surveys and statistics about the number of praying events to understand the time, location, method and effectiveness of the worship of the Four Dharmas in history.

Keywords: Four Dharmas, Phap Van, praying, Bao Thien, Man Nuong

Đề dẫn

Các bộ sử lớn như: *Đại Việt sử kí toàn thư* 大越史記全書, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* 欽定越史通鑑綱目 đều chép: dưới thời vua Lý Nhân Tông (1073-1127), Phật Pháp Vân đã từng được rước về kinh đô Thăng Long để làm lễ cầu tạnh. Những ghi chép này cho thấy Tứ Pháp gắn liền với tục cầu đảo của cư dân nông nghiệp từ rất sớm. Sang đến thế kỉ thứ XV, Phật Pháp Vân vẫn được vua Lê Thái Tông (1434 -1442)

rước về kinh để cầu mưa. Trong bài viết này, chúng tôi tập trung khảo cứu về sự xuất hiện của tín ngưỡng Tứ Pháp ở thời Lý thể hiện qua bộ *Đại Việt sử kí toàn thư*. Chúng tôi lập bảng khảo sát, thống kê các thông tin trong đó để thấy rõ quá trình phát sinh, diễn biến và hiệu quả của nghi lễ cầu đảo Tứ Pháp.

* ThS., Viện Nghiên cứu Hán Nôm

1. Cơ sở ra đời của tín ngưỡng thờ Tứ Pháp

Việt Nam là một nước nông nghiệp trồng lúa nước. Việc trồng lúa, ngoài hệ thống sông ngòi tự nhiên thì phụ thuộc hoàn toàn vào thời tiết. Nói về kinh nghiệm trồng lúa, ông cha ta có câu: “Nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống”. Trong bốn yếu tố “cần” cho nông nghiệp, nước vẫn phải là hàng đầu. Trong câu ca dao quen thuộc, người nông dân luôn đau đầu trông chờ nhìn ngó thời tiết rồi mới yên tâm cấy cấy:

“Người ta đi cấy lấy công
Tôi nay đi cấy còn trông nhiều bề
Trông trời, trông đất, trông mây
Trông mưa, trông nắng, trông ngày,
trông đêm
Trông cho chân cứng đá mềm
Trời yên biển lặng mới yên tâm lòng”

Từ việc quan sát lúc trời mưa, bầu trời thường xuất hiện bốn hiện tượng thiên nhiên: mây, mưa, sấm, chớp thì người ta tin rằng, mỗi hiện tượng thiên nhiên ấy là do một vị thần cai quản, làm phép mà có: mây là do thần Pháp Vân, mưa là do thần Pháp Vũ, sấm là do thần Pháp Lô, chớp là do thần Pháp Điện.

Miền Bắc nước ta thuộc vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, phù hợp với trồng lúa nước. Người nông dân dựa vào quy luật mưa, nắng của thời tiết mà gieo trồng sao cho phù hợp với điều kiện tự nhiên. Việc tận dụng các yếu tố thời tiết trong gieo trồng cũng là một kỹ năng trong sản xuất nông nghiệp. Nhưng thời tiết vẫn luôn tiềm ẩn yếu tố bất thường, không phải lúc

nào cũng tuân theo quy luật bình thường như nắng gắt quá, mưa to quá hoặc nắng mưa trái vụ làm mất mùa. Trước sự thất thường của thời tiết, phụ thuộc hoàn toàn vào thiên nhiên, trong điều kiện khoa học kỹ thuật chưa phát triển, nhận thức của con người về thế giới tự nhiên còn hạn chế, người xưa không có lời giải thích thỏa đáng dẫn đến tâm lý sợ hãi. Từ tâm lý sợ hãi dẫn đến sùng bái các hiện tượng tự nhiên như mây, mưa, sấm, chớp. Và kết quả họ coi những hiện tượng này là do các vị thần linh chủ quản mưa nắng tạo nên. Vì vậy, trước khi các tôn giáo trong đó có Phật giáo du nhập vào Việt Nam, người Việt cổ đã tưởng tượng các thần Mây, Mưa, Sấm, Chớp mà người ta hay gọi là “ông giời”, “ông trời”. Tuy nhiên, thông tin về các thần linh ấy chỉ là những chi tiết tản mạn để phỏng đoán về một loại hình tín ngưỡng dân gian trước khi Phật giáo phát triển ở Việt Nam. Thông qua các vị thần linh nông nghiệp và những ghi chép tản mạn này chúng ta biết rằng, trước khi chịu ảnh hưởng của các tôn giáo trong đó có Phật giáo, người Việt đã tồn tại một hệ thống tín ngưỡng dân gian mang đậm bản sắc của riêng mình.

Phật giáo du nhập vào nước ta mang theo tư tưởng từ bi, hỉ xả, cứu độ chúng sinh. Tư tưởng này khá tương đồng với tư tưởng “tương thân tương ái”, “thương người như thể thương thân” của người Việt. Vì thế Phật giáo nhanh chóng được tiếp nhận và hòa nhập cùng với tín ngưỡng dân gian của người Việt. Sự thích nghi này chính là cơ sở cho sự ra đời của Phật giáo Tứ Pháp - một hình thức Phật giáo

dân gian của người Việt. Sự dung hòa giữa Phật giáo và tín ngưỡng dân gian đã là tiền đề cho những thần linh nông nghiệp bản địa dựa vào hào quang của Phật pháp, nâng quyền năng linh thiêng của mình lên một tầm cao hơn. Và hình ảnh Man Nương trong các truyền thuyết về Phật Mẫu Man Nương là hiện thân của sự hòa nhập ấy. Man Nương là người đã cứu giúp dân làng trong lúc hạn hán. Bà còn có thể điều khiển các hiện tượng tự nhiên mà tượng trưng chính là hệ thống các vị thần Tứ Pháp. Bà được coi là Phật Mẫu khi có lòng yêu thương, bao dung cứu vớt dân làng trước các hiện tượng thiên nhiên hà khắc. Man Nương đã phản ánh sự gặp gỡ và kết hợp giữa tín ngưỡng dân gian thờ Mẫu và đạo Phật. Nhờ sự tiếp nhận Phật giáo, bốn vị thần Nông nghiệp là bà Dâu, bà Đậu, bà Tướng, bà Dàn đã trở thành những vị Phật bà - Tứ Pháp: Pháp Vân (thần Mây), Pháp Vũ (thần Mưa), Pháp Lô (thần Sấm), Pháp Điện (thần Sét) mang ý nghĩa cầu mong cho mưa thuận gió hòa, sinh sôi nảy nở.

Bên cạnh cơ sở trên, tục cầu đảo Tứ Pháp còn xuất phát từ quan niệm tam tài đó là thiên, địa, nhân. Con người ở giữa thiên và địa. Ba yếu tố này có liên hệ mật thiết với nhau. Song song với thuyết tam tài là thuyết thiên nhân hợp nhất trong tư tưởng Nho gia. Thuyết này khẳng định giữa con người và thiên nhiên tồn tại độc lập nhưng có sự thống nhất với nhau. Chỉ khi nào mối quan hệ này hài hòa thì thiên nhiên mới mưa thuận gió hòa, cuộc sống con người mới thuận lợi. Các vị vua khi đó là những người theo học Nho gia nên

thấm nhuần tư tưởng này. Gặp những năm mưa thuận, gió hòa thì họ cho rằng trời ban phước lành. Năm nào thiên tai, dịch bệnh, mất mùa, nhà vua cho rằng họ đã phạm lỗi hoặc đức của mình chưa đủ mà trời trừng phạt. Những năm ấy nhà vua thường xuống chiếu sám hối, tự răn mình đồng thời tiến hành cúng cầu đảo nhằm an dân. Điều này đều được ghi lại trong các bộ chính sử.

Có thể nói tín ngưỡng dân gian thờ Tứ Pháp là sản phẩm văn hóa của người Việt trong mối quan hệ giữa tự nhiên và xã hội. Chính phương thức sản xuất nông nghiệp lúa nước đã làm nên tín ngưỡng dân gian nông nghiệp nói chung và tín ngưỡng thờ Mẫu nói riêng. Ngoài tín ngưỡng dân gian, Việt Nam còn là một đất nước có đa tôn giáo. Các tôn giáo như Phật giáo, Đạo giáo, tín ngưỡng Phồn thực, Kito giáo... hay tư tưởng Nho giáo du nhập vào Việt Nam khá sớm. Các tôn giáo này không đứng ngoài, độc lập mà tín ngưỡng dân gian đã thu nhận chọn lọc để tạo ra một sản phẩm tinh thần mang bản sắc của người Việt.

2. Tín ngưỡng Tứ Pháp với tục cầu đảo (cầu mưa, cầu tạnh) thời Lý được phản ánh qua *Đại Việt sử ký toàn thư*

2.1. Tín ngưỡng thờ Tứ pháp được ghi nhận qua “Đại Việt sử ký toàn thư”

Bộ *Đại Việt sử ký toàn thư* là một bộ quốc sử lớn đầu tiên của nước ta, tập đại thành của nhiều bộ sử từng đời như *Đại Việt sử ký* 大越史記 của Lê Văn Hưu, Phan Phu Tiên, *Đại Việt sử ký toàn thư* của Ngô Sĩ Liên, *Đại Việt thông giám thông khảo* 大越通鑑通考 của Vũ Quỳnh,

Đại Việt sử ký Bản kỷ thực lục 大越史記本紀實錄 và *Bản kỷ tục biên* 本紀續編 của Phạm Công Trứ, *Đại Việt sử ký Bản kỷ tục biên* 大越史記本紀續編 của Lê Hy. Điều đó phản ánh rõ vị trí và giá trị lịch sử của nó.

Công trình này không chỉ ghi chép một cách hệ thống lịch sử của dân tộc từ họ Hồng Bàng đến năm 1675 mà còn phản ánh nhiều mặt trong suốt chiều dài lịch sử như văn hóa, phong tục, tín ngưỡng...¹.

Đại Việt sử ký toàn thư hiện được lưu giữ ở Viện Nghiên cứu Hán Nôm gồm những bản sau:

Ký hiệu A. 3/1-4: dày 2462 trang, khổ 26 cm x 16 cm.

Ký hiệu A. 2694/1-7: dày 1676 trang, khổ 29 cm x 17 cm.

Ký hiệu VHv. 179/1-9: dày 1852 trang, khổ 29 cm x 19 cm.

Ký hiệu VHv. 1499/1-9: dày 776 trang, khổ 26 cm x 16 cm.

Ký hiệu VHv. 2330-2336: dày 920 trang, khổ 26 cm x 16 cm.

Trong 5 kí hiệu này, chúng tôi chọn ra bản A.1-3 để khảo sát. Bản này in tương đối đầy đủ, rõ ràng, dễ đọc.

Bằng phương pháp khảo sát, liệt kê, thống kê bộ sử lớn *Đại Việt sử ký toàn thư*, chúng tôi tìm được một số thông tin về việc cầu đảo Tứ Pháp. Các lần cầu đảo Tứ Pháp chủ yếu diễn ra vào thời Lý chiếm 95%. Thời Trần, Phật pháp khá

thịnh hành nhưng không thấy ghi chép về cầu đảo nói chung và cầu mưa nói riêng. Chỉ vào năm 1356 sử chép lại một sự kiện lập đàn chay cầu đảo cho Thượng hoàng: “Hiển Từ thái hậu thiết pháp lập đàn ở chùa Chiêu Khánh, phát tiền bố thí dân nghèo để cầu đảo cho Thượng hoàng. /憲慈太后設法會於昭慶寺,發錢施貧民為上皇禱”². Ngoài lần cầu đảo này ra thì không thấy ghi chép về cầu đảo. Thời Lê triều đình nhiều lần cúng cầu đảo nhưng chỉ vào năm 1434 là cầu mưa liên quan tới Tứ Pháp: “Mùa hạ, tháng 4, ngày mùng 1, lệnh cho bách quan đón Phật ở chùa Pháp Vân ở Cát Châu về Đông Kinh cầu mưa/ 夏四月朔,命百官迎吉州法雲寺佛赴東京禱雨”³. Những năm sau đó, thời Lê cũng như các triều đại khác tiếp nối, phong tục tập quán, tín ngưỡng, không chỉ thờ Phật mà còn thờ đa thần. Ngoài ra, vì tính chất tóm lược của sử không ghi rõ cầu đảo thần, Phật nào nên khó xác định được đối tượng cầu đảo là Tứ Pháp hay là Thần, Phật khác. So sánh 3 triều đại Lý, Trần, Lê, chúng tôi thấy rằng triều Lý có nhiều ghi chép về tín ngưỡng cầu mưa liên quan đến Tứ Pháp hơn so với hai triều đại nhà Trần và nhà Lê. Vì vậy, chúng tôi tập trung khảo cứu vào tín ngưỡng cầu đảo Tứ Pháp thời Lý thông qua bộ *Đại Việt sử ký toàn thư*.

Dựa vào bộ sử lớn *Đại Việt sử ký toàn thư*, đời Lý chúng tôi thống kê những lần cầu đảo Tứ Pháp như sau:

Bảng 1: Bảng những lần cầu đảo Tứ Pháp qua *Đại Việt sử ký toàn thư*

TT	Triều vua	Thời gian	Địa điểm	Lý do	Kết quả	Nguồn
1	Lý Nhân Tông	1073		Cầu tạnh: mưa dầm, rước Phật Pháp Vân về kinh cầu tạnh/ 霽		Bản kỷ, kỷ nhà Lý, Q.3, tờ 7a

TÌM HIỂU TÍN NGƯỠNG THỜ TỨ PHÁP Ở THỜI LÝ...

	(1073-1127)			雨,迎法雲佛赴京祈晴.		
2		6/1117	應豐行宮 Hành cung Ứng Phong	Cầu mưa: vua đến hành cung Ứng Phong xem cày, trời không mưa, đảo vũ ở hành cung/ 帝幸應豐行宮省耕,不雨,禱於行宮.		Bản Kỷ, kỷ nhà Lý, Q.3, tờ 18a
3		5/1118		Cầu mưa: hạn, cầu đảo, được mưa/ 旱,祈禱,得雨.	Mưa	Bản kỷ, kỷ nhà Lý, Q.3, tờ 18b
4		7/1124		Cầu mưa: thu tháng 7, hạn, cầu đảo/秋七月,旱,禱.		Bản kỷ, kỷ nhà Lý, Q.3, tờ 22b
5		7/1126		Cầu tạnh: mưa dầm, cầu tạnh/ 霖雨,祈.		Bản kỷ, kỷ nhà Lý, Q.3, tờ 24a
6		2/1127		Cầu tạnh: từ tháng giêng, mưa dầm, lệnh cho các quan cầu tạnh/ 自正月霖雨命官祈晴.		Bản kỷ, Kỷ nhà Lý, Q.3, tờ 25a
7		4/1128		Cầu mưa: vua trai giới, ăn chay, cầu đảo được mưa/ 帝齋,戒蔬,祈得雨.	Mưa	Bản kỷ, kỷ nhà Lý, Q.3, tờ 31b
8		2/1129		Cầu mưa: trai giới cầu đảo/ 齋戒祈雨.		Bản kỷ, kỷ nhà Lý, Q.3, tờ 32a
9		6/1130		Cầu mưa: tháng sáu, hạn hạn cầu mưa/六月旱祈雨.		Bản kỷ, kỷ nhà Lý, Q.3, tờ 35b
10		9/1130		Cầu tạnh: tháng 9, mưa dầm, cầu đảo trời tạnh/九月,霖雨,禱晴.		Bản kỷ, kỷ nhà Lý, Q.3, tờ 35 b
11		5/1131		Cầu mưa: tháng 5, hạn cầu đảo, được mưa/ 五月,旱,祈得雨.	mưa	Bản kỷ, kỷ nhà Lý, Q.3, tờ 36a
12		9/1131		Cầu tạnh: tháng này, mưa lâu, cầu tạnh/九月雨,晴.		Bản kỷ, kỷ nhà Lý, Q.3, tờ 36a
13		2/1134		Cầu tạnh: tháng này mưa lâu/cầu tạnh/ 是月久雨祈晴.		Bản kỷ, kỷ nhà Lý, tờ 38
14	Lý Thần Tông (1128-1138)	3/1137	報天寺 Chùa Báo thiên	Cầu mưa: vua đến chùa Báo Thiên lễ phật Pháp Vân, cầu mưa. Đêm ấy trời mưa to/ 帝幸報天寺禮法雲佛,祈雨. 是夜大雨.	Mưa	Bản kỉ, kỷ nhà Lý, Q.3. tờ 40b
15		T6/1137		Cầu mưa: tháng 6 hạn, chiếu cho Nguyễn Công Đào đến Vu đàn phía nam cầu mưa/ 六月旱,詔阮公陶詣南雩坛祈雨.		Bản kỷ, kỷ nhà Lý, Q.3, tờ 40b
16		T6/1138	雩壇 Vu đàn	Cầu mưa: (tháng 6 hạn, sai Nhập Nội Tử ty Lang trung Ngụy Quốc Bảo triệu các quan hội họp. Chư vệ Phạm Tín xin đến Vu Đàn cầu mưa. Vua y theo/ 六月,旱,使入內左司郎中魏國寶召臣僚會議.諸衛范信言請赴雩壇祈雨從之.		Bản kỉ, kỷ nhà Lý, Q.3, tờ 41b-42a
17		T7/1138	雩壇 Vu	Cầu mưa: mùa thu tháng 7		Bản kỉ, kỉ nhà

			đàn, Báo Thiên 報天 寺	không mưa, để mệnh hữu Ty cầu đảo ở Vu Đàn và chùa Báo Thiên)/ 秋七月不雨帝命有司祈 于雩壇及報天寺.		Lý, Q3, tờ 42a
18		T6.1143		Cầu mưa: từ xuân đến hè hạn, để đích thân cầu đảo. Tháng 6 ngày Đinh Sửu có mưa/ 自春至 夏旱, 帝親祈, 之六月丁丑雨.		Bản kỷ, kỷ nhà Lý, Q.3, tờ 4a
19		T4.1144		Cầu tạnh: tháng 4, mùa hạ, mưa dầm, cầu tạnh/ 夏四月, 霖雨祈 晴.		Bản kỷ, kỷ nhà Lý, Q4, tờ 4b
20		T4.1147		Cầu mưa: tháng 4 mùa hạ, trâu bò, gia súc bị dịch chết, hạn hán cầu đảo được mưa/ 夏四月, 牛畜 疫死, 旱祈得雨.	Được mưa	Bản kỷ, kỷ nhà Lý, Q.4, tờ 5a
21	Lý Cao Tông (1176- 1210)	5/1188	法雲寺 Pháp Vân,	Cầu mưa: tháng 5, mùa hạ, hạn hạn, vua thân hành đến chùa Pháp Vân ở Duênh Bà cầu mưa. Nhân đó rước tượng Pháp vân về chùa Báo Thiên/ 夏五月, 旱, 帝親行瀛婆法雲寺祈雨, 因迎 法雲像歸報天寺.		Bản kỷ, kỷ nhà Lý, Q.4, tờ 20b- 21a

Qua bộ sử lớn là *Đại Việt sử kí toàn thư*, chúng tôi đã thống kê được 21 lần cầu đảo liên quan đến Tứ Pháp ở 3 triều đại vua Lý: Lý Nhân Tông (1073-1127), Lý Thần Tông (1128-1138), Lý Cao Tông (1176-1210). Trong đó, lễ cầu mưa nhiều nhất vào thời Lý Thần Tông với 14 lần cầu đảo chiếm 66,7%. Tiếp đến là đời Lý Nhân Tông với 6 lần cầu đảo chiếm 28,6% và đời Lý Cao Tông với 1 lần cầu đảo chiếm 4,7%. Do sự ghi chép vắn tắt của sử, một số kỳ cầu đảo ghi rõ địa điểm, một số lại không ghi chép. Dựa vào địa điểm của một vài kỳ cầu đảo như tại Hành cung Ứng Phong 應豐行宮, chùa Pháp Vân 法雲寺, chùa Báo Thiên 報天寺 và xét theo sự phát triển tôn giáo, thời Lý sùng chuộng đạo Phật nên chúng tôi xếp vào lễ cầu đảo liên quan đến Tứ Pháp. Lễ cầu đảo chủ yếu cầu mưa có 14 lần chiếm

70%, cầu tạnh 7 lần chiếm 30%. Cách viết về nghi lễ cầu đảo nói chung và nghi lễ đảo vũ (cầu mưa) nói riêng khá ngắn gọn. Phần lớn chỉ nêu thời gian, lý do cầu đảo. Ví dụ đời nhà Lý, tháng 6 năm 1130 chỉ ghi: “tháng sáu, hạn hán, cầu mưa/ 六月, 旱, 祈雨”⁴; tháng 9 năm 1130 chép: “tháng 9, mưa dầm, cầu tạnh/ 九月, 霖雨, 禱晴”⁵ tháng 4, tháng 5 năm 1131 chép: “tháng 5, hạn, cầu đảo, được mưa/ 五月, 旱, 祈得雨”⁶ ... Lễ đảo vũ (cầu mưa) chủ yếu do chính nhà vua tổ chức lễ cầu cúng như thời vua Lý Nhân Tông vào tháng 6 năm 1117 “vua đến hành cung Ứng Phong xem cây, trời không mưa, cầu mưa ở hành cung 帝幸應豐行宮省耕, 不雨, 禱於行宮”⁷, hay như vào tháng 3 năm 1137: “Vua đến chùa Báo Thiên lễ Phật Pháp Vân, cầu mưa. Đêm ấy trời mưa to 帝幸報天寺禮法雲佛, 祈雨. 是夜大雨”⁸. Nếu

không phải là vua đích thân làm chủ tế thì do triều đình cử các quan lại cao cấp: vào thời Lý Thần Tông, tháng 6 năm 1138: “tháng 6 hạn, sai Nhập Nội Tử ty Lang trung Ngụy Quốc Bảo triệu các quan hội họp. Phạm Tín xin đến đàn cầu mưa. Vua y theo/六月,旱,使入内左司郎中魏國寶召臣僚會議諸衛范信言請赴巫壇祈雨從之”⁹. Vào thời Lý Thần Tông tháng 7 năm 1138: “mùa thu tháng 7 không mưa, vua ra lệnh cho Hữu Ty cầu đảo ở Vu đàn và chùa Báo Thiên/秋七月不雨,帝命有司祈于雩壇及報天寺”¹⁰. Điều đó chứng tỏ lễ cầu mưa Tứ Pháp trở thành một nghi lễ quốc gia, tổ chức một cách chính thức và được cả nước đón nhận. Do tài liệu còn chưa đầy đủ và cách viết vẫn tắt trong sách sử nên chúng tôi mới chỉ xem xét được một vài thông tin về thời gian, địa điểm, cách thức, hiệu quả của việc cầu mưa.

2.2. Thời gian, địa điểm thực hiện việc cầu đảo

Về thời gian, qua bảng thống kê ta thấy việc cầu đảo được thực hiện do sự biến đổi thái quá của thời tiết lúc nắng nhiều dẫn đến hạn hán, lúc lại mưa dầm dẫn đến lụt lội, hoặc mưa gió trái thời. Nhà Lý tới 6 lần cầu tạnh vào các năm: 1073, 1126, 1130, 1131, 1134, 1144 và 15 lần cầu mưa vào các năm: 1117, 1118, 1124, 1127, 1128, 1129, 1130, 1131, 1137 (2 lần), 1138 (2 lần), 1143, 1147 và 1188. Như vậy, lễ cầu mưa gấp hơn 2 lần lễ cầu tạnh. Các nghi lễ này được nhà Lý thực hiện thường xuyên. Thậm chí có năm 2 lần như các năm 1130, 1131, 1137, 1138. Các tháng cầu mưa là tháng 2 (2 lần), tháng 3 (1 lần), tháng 4 (2 lần), tháng 5 (3 lần), tháng 6 (5 lần), tháng 7 (2 lần). Các

tháng cầu tạnh tháng 2 (1 lần), tháng 4 (1 lần), tháng 7 (1 lần), tháng 9 (2 lần). Như vậy lễ cầu mưa thường diễn ra vào mùa hè tức là vào khoảng tháng 4, tháng 5 và cao điểm là tháng 6. Đây là những tháng nắng nóng, bà con tiến hành cấy lúa nên rất cần nước. Nếu nắng hạn sẽ làm cây lúa chết yêu dẫn đến mất mùa. Lễ cầu tạnh thường diễn ra vào mùa thu từ tháng 7 đến tháng 9. Mùa thu là mùa cây lúa vào độ chín để thu hoạch cần phải tạnh ráo. Nếu mưa dầm ngập nước sẽ mất mùa, thất thu. Vì thế tùy theo từng giai đoạn phát triển của cây lúa mà cầu đảo. Sự cầu đảo (cầu mưa, cầu tạnh) thường diễn ra từ tháng 1 đến tháng 9. Tuy nhiên, mùa hè vẫn có kỳ cầu tạnh, mùa thu vẫn có kỳ cầu mưa. Điều đó cho thấy thời tiết luôn có sự bất thường trên quy luật bình thường. Sang đến tháng 10, tháng 11, tháng 12 không thấy có ghi chép gì về sự cầu đảo. Có lẽ 3 tháng này vào mùa khô không thích hợp để trồng lúa nước nên người dân chuyển sang các cây trồng khác như ngô, khoai. Như vậy lễ cầu tạnh, cầu mưa diễn ra thường xuyên, điều đó cho thấy tín ngưỡng cầu đảo Tứ Pháp khá phát triển trong giai đoạn này.

Về địa điểm, theo thống kê ở bảng 1, dựa vào những lần cầu đảo ghi rõ địa điểm thì nghi lễ cầu đảo thời Lý thực hiện ở chùa Báo Thiên, chùa Pháp Vân, hành cung Ứng Phong và Vu đàn. Trong đó nhiều nhất là tổ chức tại chùa Báo Thiên. Chùa Báo Thiên tức chùa Sùng Khánh ở phường Báo Thiên (nay thuộc khu phố Nhà Chung, Hoàn Kiếm, Hà Nội). Chùa này xây dựng vào triều vua Lý Thánh Tông, năm Long Thụy thứ 3 (1056). Đây

là nơi vua Lý đã rước tượng Pháp Vân về để cầu mưa: “Tháng 5, mùa hạ, hạn hán, vua thân hành đến chùa Pháp Vân ở Duềnh Bà cầu mưa. Nhân đó rước tượng Pháp Vân về chùa Báo Thiên/夏五月, 早. 帝親行瀛婆法雲寺祈雨因迎法雲像歸報天寺”¹¹. Các sử quan triều Lê lại chưa thêm rằng: “nay triều ta khi mới dựng nước còn theo tục này/今朝國初猶仍舊”¹². Về chùa Pháp Vân, các nhà nghiên cứu lịch sử ở Viện sử học khi dịch bộ *Toàn thư* cho rằng: “hai chữ “Duềnh Bà” do hai chữ Liên Lô chép nhầm thành, tức chùa Pháp Vân hay chùa Dâu ở huyện Thuận Thành, Hà Bắc nay là Bắc Ninh, thờ phật mẫu Man Nương”¹³. Liên quan tới chùa Pháp Vân, *Đại Việt sử ký toàn thư* còn ghi chép một sự kiện vào thời Lê Thái Tông năm 1434 như sau: “Mùa hạ, tháng 4, ngày mùng 1, lệnh cho bách quan đón Phật ở chùa Pháp Vân tại Cát Châu về Đông Kinh cầu mưa/夏四月朔, 命百官迎吉州法雲寺佛赴東京禱雨”¹⁴. Theo sách *Đại Việt sử ký toàn thư* cho biết: “Hiện nay chùa Pháp Vân này tọa lạc trên địa bàn thôn Văn Giáp, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, Hà Nội. Trước đó chùa có tên là Bồ Đà tự, còn có tên là Pháp Vân, tên gọi ban đầu của chùa là Đại Thiên tự. Đến thời Tiền Lê mới thờ thêm bà Pháp Vân, được coi là một trong tứ đại Phật pháp rất nổi tiếng lúc bấy giờ”¹⁵. Còn Hành cung Ứng phong thuộc một phủ thời Lý, tương đương với phủ Nghĩa Hưng thời Lê, tức là đất 3 huyện Nghĩa Hưng, Ý Yên, Vụ Bản tỉnh Nam Định ngày nay. Vu đàn, theo như chú thích trong bản dịch *Đại Việt sử ký toàn thư* thì: “Vu đàn: đàn tế trời để cầu mưa. Theo Công Dương truyện, vua thân đến đàn

Nam Giao cầu đảo, cho đồng nam, đồng nữ, vừa múa vừa hô: “vu, vu... vì thế gọi là Vu đàn”¹⁶. Di tích đàn Nam Giao, thuộc phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Theo ghi chép của các thư tịch cổ thì đây là đàn tế có lịch sử phát triển lâu dài và tồn tại lâu đời nhất. Trải qua các triều đại Lý, Trần, Lê đến đời Nguyễn, vào niên hiệu Gia Long (1802-1819) bị phá hủy. Đàn Nam Giao có vai trò quan trọng trong triều đại phong kiến, là một nơi linh thiêng, có khả năng kết nối đất - trời, giữa nhân - thần và đặc biệt là giữa thiên tử và thiên đế. Nơi đây chỉ có vua mới được trực tiếp đến cầu đảo.

2.3. Cách thức và hiệu quả của cầu đảo Tứ Pháp

Về cách thức, theo *Đại Việt sử ký toàn thư*, từ thời Lý đã ghi lại những biện pháp khắc phục hạn hán: năm Thần Vũ thứ 2 (1070) thời Lý Thái Tông, khi mùa hè trời đại hạn, triều đình mới chỉ “mùa Hạ, tháng 4, phát thóc và tiền lụa trong kho để chẩn cấp cho dân nghèo/夏四月早發庫粟錢帛賑貧民”¹⁷. Thời Lý Nhân Tông năm 1095, đại hạn vào tháng 6, nhà vua thực hiện “thả tù, giảm hoặc tha cho dân tiền tang thuế”¹⁸/夏六月大旱放囚戒免贓稅、雨”¹⁹. Nhưng phải đến năm 1118, trời đại hạn, mới bắt đầu thấy sử ghi vua Lý Nhân Tông cho cầu đảo và “được mưa”. Đời Lý Nhân Tông vào năm 1117 có ghi “tháng 6, vua ngự đến hành cung Ứng Phong xem cày ruộng. Khi ấy không mưa, cầu mưa ở hành cung/帝幸應豐行宮省耕, 不雨, 禱於行宮”²⁰. Hai công việc liên nhau và tiến hành ngay tại hành cung Ứng Phong. Người chủ tế là vua thường phải trai giới, tránh sát sinh trong vài ngày. Ăn

chay, trai giới để tỏ lòng thành kính với thần linh, trời đất, sau đó mới thực hiện các nghi lễ cầu đảo. Trai giới không chỉ ăn chay mà còn phải tu sửa bản thân, kiểm điểm bản thân cá nhân của nhà vua. Các vị vua tin rằng, việc trai giới, giữ bản thân trong sạch có tác dụng cảm động lòng trời, vì thế việc cầu cúng mới hiệu quả. Việc này được ghi chép đầu tiên vào thời Lý (1009-1225) do hạn hán khá nhiều. Thời tiết hạn hán kéo dài liên tục vào những năm 1124, 1125, 1126 và 1128. Trước tình hình hạn hán thường xuyên như vậy, năm Mậu Thân (1128) vua Lý Thái Tông đã “帝齋,戒蔬食, 祈得雨/vua trai giới, ăn chay, cầu đảo được mưa”²¹. Đây là những ghi chép đầu tiên về việc vua đích thân cầu đảo mưa. Tháng 2 năm 1129 trời lại hạn hán vua Lý Thần Tông tiếp tục trai giới cầu mưa “帝齋,戒蔬食, 祈得雨/vua trai giới, ăn chay, cầu đảo được mưa”²². Như vậy về cách thức cầu đảo: trước khi cầu đảo, vua phải trai giới, kiểm điểm bản thân thì mới có hiệu quả.

2.4. Về hiệu quả của việc cầu đảo

Phần lớn những lần cầu đảo đều linh nghiệm. Trong bảng trên ta thấy có 5 năm ghi hiệu quả của việc cầu đảo: tháng 5 năm 1118, tháng 4 năm 1128, tháng 5 năm 1131, tháng 3 năm 1137, tháng 4 năm 1147 được mưa. Còn lại 16 năm không rõ kết quả. Ghi chép về hiệu quả cầu vũ (cầu mưa) khá ngắn gọn. Ví dụ năm 1137, vào tháng 3 không mưa, vua Lý Thần Tông đến cầu đảo ở chùa Báo Thiên, tức chùa Sùng Khánh ở phường Báo Thiên trong Kinh thành, *Đại Việt sử ký toàn thư* viết: “tối ấy trời mưa/是夜大雨” để nói về sự linh nghiệm nghi lễ cầu

đảo của nhà vua. Thậm chí chỉ dùng 2 từ “được mưa/得雨” như những năm 1118, 1128, 1131, 1147. Sự cầu đảo linh nghiệm cũng tác động vào tâm lý an dân lúc bấy giờ, giúp về mặt chính trị rất nhiều cho nhà nước quân chủ.

Tuy nhiên, không phải lúc nào cầu đảo cũng hiệu quả. Đôi khi cầu đảo rồi mà vẫn không linh nghiệm. Lúc ấy các vua chúa thường tự xem xét lại bản thân mình. Các vị vua đều cho rằng thời tiết mưa thuận gió hòa là do trời ban phước. Khi xảy ra thiên tai, mất mùa thì họ cho rằng mình đức nhân chưa đủ hay chính sách hà khắc nên bị trời trừng phạt. Lúc ấy nhà vua vừa tự trách mình đồng thời cũng thực hiện những biện pháp mang tính nhân đạo như thả tù, giảm tô thuế...

3. Kết luận

Cầu đảo (cầu mưa, cầu tạnh) Tứ Pháp là một nghi lễ mang tính tâm linh an dân trong quá trình trị nước của các triều đại quân chủ. Cơ sở của việc thực hiện nghi lễ cầu đảo là xuất phát từ nền sản xuất nông nghiệp trồng lúa nước. Bên cạnh đó là sự du nhập của Phật giáo mang theo tư tưởng từ bi, bác ái, cứu khổ cứu nạn, là tư tưởng thiên nhân hợp nhất của Đạo giáo. Tất cả đã kết hợp lại thành một văn hóa mang tính chất riêng của người Việt, là cách thức mang lại an dân cho nhà nước quân chủ.

Ngày nay việc thờ Tứ Pháp được trải dài khắp các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ. Qua khảo sát chúng tôi đã thống kê được Bắc Ninh 5 di tích, Hà Nội 5 di tích, Hưng Yên 21 di tích, Hà Nam 4 di tích, Bắc Giang 2 di tích. Tín ngưỡng này có ảnh hưởng rất lớn trong đời sống tâm linh của

người dân. Các di tích thờ Tứ Pháp hàng năm thường tổ chức lễ hội. Lễ hội chủ yếu là cầu mưa, cầu tạnh với các hình thức như rước nước, đánh Trống, cầu mặt trời cùng với việc diễn lại một số tiết mục tế lễ, sự tích các vị thần nông nghiệp. Việc tìm hiểu lễ cầu đảo thông qua bộ *Đại Việt sử ký toàn thư* 大越史記全書 đã góp phần khẳng định tục thờ Tứ Pháp, văn hóa phi vật thể trong các lễ hội này là có cơ sở, bề dày lịch sử góp phần vào việc công nhận xếp loại các di tích liên quan đến tín ngưỡng Tứ Pháp./.

N.T.A

Chú thích và tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Khánh Toàn “Lời giới thiệu”, sách *Đại Việt sử ký toàn thư* (dịch theo bản khắc năm Chính Hòa thứ 18 (1697), tập I, tr.8.
2. *Đại Việt sử ký toàn thư* 大越史記全書, A.3/2, Bản kỷ, Kỷ nhà Trần, Q.7, tờ 19b.
3. *Đại Việt sử ký toàn thư* 大越史記全書, A.3/2, Bản kỷ thực lục, bản kỷ nhà Lê, Q.11, tờ 7a.
4. *Đại Việt sử ký toàn thư* 大越史記全書, A.3/2, Bản kỷ, kỷ nhà Lý, Q.3, tờ 35b.
5. *Đại Việt sử ký toàn thư* 大越史記全書, A.3/2, Q.3, sđd, tờ 35b.
6. *Đại Việt sử ký toàn thư* 大越史記全書, A.3/2, Q.3, sđd, tờ 36a.
7. *Đại Việt sử ký toàn thư* 大越史記全書, A.3/2, Q.3, sđd, tờ 18a.
8. *Đại Việt sử ký toàn thư* 大越史記全書, A.3/2, Q.3, sđd, tờ 40b.
9. *Đại Việt sử ký toàn thư* 大越史記全書, A.3/2, sđd, Q.3, tờ 41b-42a.
10. *Đại Việt sử ký toàn thư* 大越史記全書, A.3/2, sđd, Q.3, tờ 42a.
11. *Đại Việt sử ký toàn thư* 大越史記全書, A.3/2, Q.4, sđd, tờ 20b-21a.
12. *Đại Việt sử ký toàn thư* 大越史記全書, A.3/2, Q.4, sđd, tờ 20b-21a.
13. *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập II, tr.329, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993.
14. Xem chú thích 3
15. *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập III, sđd, tr.313.
16. *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập I, sđd, tr.310.
17. *Đại Việt sử ký toàn thư* 大越史記全書, A.3/2, Bản kỷ, kỷ nhà Lý, Q.3, tờ 5a.
18. Tang thuế: Chưa rõ nội dung danh từ này. Theo nghĩa chữ có thể hiểu thuế và tang. Tang có nghĩa là bản thuế, bi ôi, có thể dùng để chỉ các khoản thu thuế bất chính (theo chú giải trong sách *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, tr.275).
19. *Đại Việt sử ký toàn thư* 大越史記全書, A.3/2, Q.3, sđd, tờ 12b.
20. *Đại Việt sử ký toàn thư* 大越史記全書, A.3/2, Q.3, sđd, tờ 18a.
21. *Đại Việt sử ký toàn thư* 大越史記全書, A.3/2, Q.3, sđd, tờ 31b.
22. *Đại Việt sử ký toàn thư* 大越史記全書, A.3/2, Q.3, sđd, tờ 32a.
23. *Đại Việt sử ký toàn thư* (1993), tập I, tập II, tập III, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội.
24. Ngô Cao Lãng (1995), *Lịch triều tạp kỷ*, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội.
25. Nguyễn Thanh Hà (2011), “Trí tuệ Nho giáo với cuộc sống con người thời hiện đại (quan niệm “thiên nhân hợp nhất” của Nho giáo và vấn đề bảo vệ môi trường)”, *Thông báo Hán Nôm học năm 2011*.
26. Quốc sử quán triều Nguyễn (1998), *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tập I, II, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội.
27. *Việt sử lược*, Trần Quốc Vượng (2011) phiên dịch và chú giải, NXB. Văn sử địa, Hà Nội.
28. Mai Thị Huyền, Trần Thị Nhung (2022), “Việc cầu đảo của các vương triều quân chủ Việt Nam (thế kỷ thứ XI- XVIII)”, *Tạp chí Nghiên cứu Phật học*, số tháng 11 năm 2022.